

Bản án số: 44/2020/DS-ST

Ngày: 30-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Đặng Hoàng Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 253/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người nhận ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ T: Ông Nguyễn Vũ B (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 27/4/2020)

2. Bị đơn: Ông Trương Văn TT (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Vũ B (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3.2. Bà Huỳnh Nhật N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

3.3. Bà Trần Thị X (S) (vắng mặt)

3.4. Anh Trương Đình T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2020 của bà Nguyễn Thị Mỹ T và tại phiên tòa ông Nguyễn Vũ B là người nhận ủy quyền của bà Nguyễn Thị Mỹ T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Ông TT có vay tiền và nhận tiền trực tiếp từ bà T (T là vợ ông Bằng) 02 lần (lần 01 vay 10.000.000 đồng, lần 02 vay 15.000.000 đồng) và ông TT có viết biên nhận vào ngày 21/11/2014 với tổng số tiền vay là 25.000.000 đ, lãi suất 4%/tháng. Do ông TT không thanh toán vốn và lãi theo thỏa thuận nên vào ngày 09/12/2017 ông TT có viết lại biên nhận hứa 02 tháng sau sẽ thanh toán số tiền vốn 25.000.000 đồng Tuy nhiên, từ đó đến nay bà T có đòi ông TT nhiều lần nhưng ông TT không thực hiện theo thỏa thuận với bà T. Vì vậy, nay bà T yêu cầu ông TT thanh toán cho bà số tiền vay vốn 22.600.000 đồng và lãi suất bà T yêu cầu ông TT thanh toán từ ngày 09/02/2018 đến nay theo quy định pháp luật. Đối với số tiền vốn 2.400.000 đồng còn lại trong số 25.000.000 đồng vốn mà ông TT vay của bà T do bà N tự nguyện thanh toán và giữa bà T bà N đã tự thỏa thuận xong nên bà T không yêu cầu giải quyết tại vụ án. Đối với khoản lãi từ ngày 21/11/2014 đến ngày 08/02/2018 bà T không yêu cầu ông TT thanh toán.

Đối với ông B là chồng bà T nhưng việc cho vay tiền là do bà T cho vay nên ông B thống nhất theo yêu cầu của bà T.

*\*Tại văn bản tường trình và yêu cầu ngày 23/4/2020 ông Trương Văn TT trình bày:*

Tại thời điểm năm 2014 ông TT có vay và viết biên nhận nợ tiền trả thay cho con là Trương Đình T. Với lý do: Vào khoảng năm 2014 con ông TT là Trương Đình T nợ bà Huỳnh Nhật N (cán bộ phụ nữ ấp B) số tiền 15.000.000 đồng, lãi 600.000 đồng/tháng. Ông TT lúc này là trưởng ban công tác mặt trận ấp nên cùng công tác chung với bà N nên sợ ảnh hưởng đến uy tín của ông TT vì T 04 tháng không đóng lãi cho bà N nên ông TT và bà N bàn bạc thống nhất để ông TT thanh toán nợ thay cho T. Ngày hôm sau bà N dẫn ông TT đến gặp bà T hỏi vay 10.000.000 đồng và ông TT có làm biên nhận. Trên đường về nhà ông TT có trả cho bà N 2.400.000 đồng tiền lãi mà T nợ bà N 04 tháng chưa thanh toán.

Ông TT đóng lãi được 02 tháng, mỗi lần 400.000 đồng đối với số tiền vay 10.000.000 đồng nhưng bà N vẫn đến đòi lãi T nên ông TT và bà N thỏa thuận gộp lại để ông TT đóng lãi một lần 1.000.000 đồng. Vì vậy, ông TT có đến nhà bà T viết lại biên nhận vay tổng số tiền là 25.000.000 đồng và mỗi tháng đóng lãi cho bà T là 1.000.000 đồng. Do ông TT bị bệnh xương khớp và nghỉ công tác nên ông TT đóng lãi đến tháng 7/2018 thì ngưng không đóng lãi cho bà T 04 tháng. Đến cuối năm 2018 bà N và bà T đến nhà đòi nợ ông TT. Do thấy hoàn cảnh ông TT khó khăn nên bà N có hứa sẽ giúp ông TT vay tiền 25.000.000 đồng của phụ nữ để trả cho bà T nên ông TT có làm hồ sơ vay vốn và có viết lại biên nhận nhận nợ hạn 02 tháng trả lại tiền cho bà T. Lúc làm hồ sơ vay tiền bà N và bà T có quay phim, chụp hình thẩm định phê duyệt tiền vay. Ngoài ra ông TT không có thể chấp hay giao giấy tờ gì khác.

Từ ngày bà N và bà T đến nhà đòi nợ, vợ con biết chuyện gây mâu thuẫn gia đình và cho rằng ông TT gây nợ. Sự thật phơi bày, T đã thanh toán cho bà N số tiền vay 15.000.000 đồng bằng cách làm cửa nhôm cho bà N trừ xong nợ. Vì vậy, ông TT không trả 10.000.000 đồng đã vay cho bà T mà đối trừ vào số tiền ông TT đóng lãi oan mấy năm nay. Hơn 02 năm nay tiền vay phụ nữ không có, bà T cũng không đến nhà gặp ông TT nên ông TT tưởng sự việc đã bỏ qua. Nay bà T lật lọng, đăng tải giấy nợ vào điện thoại gia đình ông TT, hăm dọa mượn đòi nợ thuê và kiện ông TT ra Tòa. Thiết nghĩ bà T là giáo viên, bà N là chính quyền phụ nữ mà có hành vi xấu nhằm bôi nhọ ông TT.

Nay, ông TT viết bản tường trình và yêu cầu cơ quan pháp luật xem xét để Công an vào cuộc điều tra làm rõ số tiền trên và các tài liệu CMND, hộ khẩu mà bà T làm cơ sở kiện từ đâu có trước khi Tòa án giải quyết.

*\*Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/6/2020 cũng như tại phiên tòa, bà Huỳnh Nhật N trình bày:*

Bà N và vợ chồng bà T, ông B với ông TT không có quan hệ bà con thân thích. Tuy nhiên, bà N có quen biết với vợ chồng bà T, ông B và ông TT. Lý do là bà N làm cán bộ phụ nữ ấp B, xã TB (từ năm 2011 đến nay) còn ông TT làm ở mặt trận ấp B, xã TB (hiện nay ông TT không còn công tác ở ấp) nên quen biết bà N.

Do quen biết và biết ông TT cần vay tiền để cho con nên bà N có giới thiệu và dẫn ông TT đến nhà bà T để vay 10.000.000 đồng (bà N không nhớ rõ thời gian). Lúc ông TT nhận tiền bà N trực tiếp chứng kiến. Khi nhận tiền bà N thấy hai bên có làm biên nhận, có thỏa thuận lãi suất nhưng bà N không nhớ lãi bao nhiêu.

Trên đường ông TT và bà N về, ông TT có gửi 2.400.000 đồng để đóng lãi dùm số tiền của con ông TT là Trương Đình T nợ tiền bà Ngân. Anh Tvay của bà N

15.000.000 đồng. Số tiền T vay 15.000.000 đồng là nợ riêng của T không liên quan đến số nợ ông TT nợ bà T.

Thời gian sau khi bà N dẫn ông TT đi vay số tiền trên khoảng 5, 6 tháng thì bà T có điện thoại báo cho bà N là bà T có cho ông TT vay tiếp 15.000.000 đồng.

Đến ngày 09/12/2017 bà T có nhờ bà N dẫn bà T đến nhà ông TT để đòi nợ vay vì lâu quá ông TT không thanh toán lãi và vốn. Vì vậy, bà N có cùng bà T đến nhà ông TT để đòi nợ. Lúc đó ông TT có thừa nhận nợ bà T tổng số tiền vốn là 25.000.000 đồng và hứa mỗi tháng trả cho bà T 1.500.000 đồng đến khi nào bà T nói ông TT hết nợ thì thôi. Lúc này, do bà T không đồng ý là trả theo cách thức mỗi tháng 1.500.000 đồng nên ông TT có viết cho bà T biên nhận hứa trong thời gian 02 tháng sẽ thanh toán xong nợ 25.000.000 đồng. Đến nay, bà N chưa nghe nói ông TT đã thanh toán xong nợ cho bà T.

Đối với số tiền bà N nhận 2.400.000 đồng do ông TT đóng lãi dùm con ông TT: Do đây là tiền ông TT lấy ra từ tiền vay 10.000.000 đồng của bà T nên bà N đồng ý hoàn trả lại bà T và tính lãi suất đối với số tiền này. Số tiền nợ còn lại của ông TT nợ bà T không liên quan đến bà N nên bà N không có ý kiến.

*\*Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/9/2020 bà Trần Thị X (S) trình bày:*

Bà X là vợ của ông Trương Minh TT. Vợ chồng bà X chung sống với nhau từ năm 1985 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Đối với khoản nợ bà T khởi kiện bà X không biết và không có liên quan. Bà X chỉ biết sự việc khi Tòa án gửi giấy mời bà. Bà X xác định bà không có sử dụng số tiền vay của ông TT vay bà T nên bà không thống nhất cùng ông TT thanh toán mà để bà T, bà N tự giải quyết. Đối với số tiền T nợ bà N bà X không biết bao nhiêu nhưng bà nghe nói T đã làm trừ nợ xong cho bà N nên không liên quan đến số nợ ông TT.

*\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Bà T yêu cầu ông TT thanh toán số tiền vay vốn 22.600.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 09/02/2018 đến nay với mức lãi suất theo quy định pháp luật. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án cũng như quá trình thẩm tra tại phiên tòa có cơ sở buộc ông TT có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn là 22.600.000 đồng lãi suất tính từ ngày 09/2/2018 đến nay theo quy định pháp luật. Bởi vì khi vay

ông TT có viết biên nhận cho bà T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông TT có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T số tiền vốn ông TT nhận là 22.600.000 đồng và lãi suất 20/năm tính từ ngày 09/02/2018 đến ngày 30/9/2020 là 31 tháng 20 ngày, án phí dân sự sơ thẩm ông TT phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn TT phải thanh toán số tiền vay nên đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ông TT có địa chỉ tại ấp B, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông TT, anh T, bà X nhưng ông TT, bà X và anh T vắng mặt không có ý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông TT, bà X và anh T nhưng ông bà và anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông TT, bà X và anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà T yêu cầu ông TT có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay theo biên nhận ngày 21/11/2014 viết lại ngày 09/12/2017 là 22.600.000 đồng, số tiền còn lại 2.400.000 đồng bà T không yêu cầu mà để bà T và bà N tự thỏa thuận. Xét việc yêu cầu của bà T là có cơ sở. Bởi vì, tại bản tường trình ngày 23/4/2020 ông TT thừa nhận có viết biên nhận vay của bà T tổng số tiền 25.000.000 đồng vào năm 2014 và sau đó có viết lại biên nhận hạn 02 tháng sau sẽ thanh toán số tiền vay 25.000.000 đồng cho bà T.

Tuy nhiên, tại bản tường trình ngày 23/4/2020 ông TT không thống nhất hoàn trả số tiền vay theo yêu cầu của bà T và yêu cầu xem xét hành vi của bà T, bà N về việc đăng tải giấy nợ, hăm dọa mượn đòi nợ thuê và kiện ra tòa để bôi nhọ ông TT. Xét thấy, tại bản tường trình ngày 23/4/2020 do ông TT trực tiếp nộp, ông TT thừa nhận có vay tiền của bà T lần đầu 10.000.000 đồng (vào khoảng năm 2014), lần thứ hai là

15.000.000 đồng (vào khoảng cuối năm 2018) và có viết biên nhận với tổng số tiền vay vốn là 25.000.000 đồng ngày 21/4/2014 để thanh toán nợ thay cho con là Trương Đình T đang nợ tiền của bà N với số tiền vốn là 10.000.000 đồng và lãi suất. Do không có khả năng thanh toán số tiền vay cho bà T nên ông TT có viết lại biên nhận nhận nợ ngày 09/12/2017 và hứa 02 tháng sẽ thanh toán 25.000.000 đồng cho bà T. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa bà N xác định ông TT là người trực tiếp vay tiền của bà T và số nợ của ông TT nợ bà T là nợ riêng không liên quan đến số nợ của anh T nợ bà N là phù hợp với lời khai của bà X và bản tường trình ngày 23/4/2020 do ông TT trình bày. Đồng thời, bà N thừa nhận có nhận của ông TT 2.400.000 đồng trong số tiền 10.000.000 đồng ông TT vay của bà T nên bà Ngân tự nguyện trả lại bà T thống nhất trừ vào tổng số tiền vốn vay ông TT vay của bà T 25.000.000 đồng. Mặt khác, bà N cũng xác định khi ông TT vay tiền có viết biên nhận cho bà T; khi ông TT không thực hiện việc thanh toán nợ vốn, lãi thì ông TT có viết lại giấy nhận nợ vay 25.000.000 đồng và cam kết 02 tháng sẽ thanh toán là phù hợp với bản tường trình của ông TT và biên nhận nhận nợ ngày 21/11/2014, biên nhận nhận nợ ngày 09/12/2017 (có cam kết thời gian 02 tháng sẽ trả nợ là ngày 09/02/2018) nên có cơ sở cho rằng ông TT còn nợ bà T số tiền vay vốn là 22.600.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông TT thanh toán lãi suất 4%/tháng, kể từ ngày 21/11/2014 đến nay nhưng tại phiên tòa ông B là người nhận ủy quyền của bà T yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật là 20%/năm kể từ ngày 09/02/2018 đến nay, thời gian từ ngày 21/11/2014 đến ngày 08/02/2018 bà T tự nguyện không yêu cầu ông TT thanh toán. Xét thấy, yêu cầu của bà T là phù hợp. Bởi vì, tại phiên tòa ông B, bà N thừa nhận do ông TT nợ 25.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/11/2014 chưa thanh toán nên ông TT viết lại biên nhận ngày 09/12/2017 với tổng số tiền vay 25.000.000 đồng và hứa thời gian thanh toán là vào ngày 09/02/2018 nhưng đến nay ông TT chưa thanh toán. Ông TT đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà T kể từ ngày 09/02/2018 đến 30/9/2020 với thời gian là 31 tháng 20 ngày. Đồng thời, lãi suất cho vay 4%/tháng là vượt so với quy định pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tại bản tường trình ông TT cho rằng có thanh toán lãi cho bà T đến tháng 7/2018 nhưng bà T không thừa nhận, ông TT không có giấy tờ chứng minh việc ông có đóng lãi

cho bà T và ông TT vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do nên không có cơ sở xem xét chuyển hồ sơ và hành vi bôi nhọ theo yêu cầu của ông TT.

Bà X tuy là vợ của ông TT nhưng khi vay tiền, nhận tiền và viết biên nhận bà T, bà N thừa nhận là chỉ thực hiện giao dịch với ông TT, do ông TT trực tiếp viết và nhận tiền bà X không biết. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để các bên đương sự gặp nhau thỏa thuận việc giải quyết vụ án nhưng ông TT, bà X, anh T vắng mặt không có lý do.

Đối với khoản nợ của anh T nợ bà N mà ông TT cho rằng anh Tg đã thanh toán xong cho bà N, tại phiên tòa bà N xác định là khoản nợ riêng không liên quan đến khoản nợ ông TT nợ bà T và Tòa án có triệu tập hợp lệ anh T để tham gia tố tụng nhưng anh T không có ý kiến bằng văn bản và vắng mặt không có lý do nên Hội đồng không có cơ sở xem xét, khi nào có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện tại vụ án khác.

Do bà N tự nguyện hoàn trả cho bà T số tiền 2.400.000 đồng trong tổng số tiền vay ông TT nhận 25.000.000 đồng theo biên nhận ngày 21/11/2014 và bà T, bà N không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

Từ những căn cứ nêu trên buộc ông TT có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay vốn còn lại theo biên nhận ngày 21/11/2014 được viết lại vào ngày 09/12/2017 là 22.600.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 09/02/2018 đến ngày 30/9/2020 là 31 tháng 20 ngày x 20%/năm x 22.600.000 đồng = 11.928.000 đồng (đã làm tròn số).

Tổng số tiền ông TT phải thanh toán cho bà T là 34.528.000 đồng.

[4] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Ông TT phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn TT phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ T về việc yêu cầu ông Trương Văn TT thanh toán nợ vay theo biên nhận ngày 21/11/2014 được viết lại ngày 09/12/2017.

1. Buộc ông Trương Văn TT thanh toán cho bà Nguyễn Thị Mỹ T với tổng số tiền vốn và lãi là 34.528.000 đ (Ba mươi bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) (trong đó số tiền vốn vay là 22.600.000 đồng, lãi 11.928.000 đồng) (đã làm tròn số).

2. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Mỹ T (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Trương Văn TT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trương Văn TT phải nộp 1.726.400 đ (*Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

Bà Nguyễn Thị Mỹ T không phải chịu án phí, ngày 11/3/2020 bà T có dự nộp 625.000 (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011079 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được nhận lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.



**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kiều Trang**